

HƯỚNG DẪN

Một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Căn cứ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 114/2010/NĐ-CP ngày 06/12/2010 của Chính phủ về bảo trì công trình xây dựng (sau đây viết tắt là Nghị định số 114/2010/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về Quản lý chất lượng công trình xây dựng (sau đây viết tắt là Nghị định số 15/2013/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư số 22/2010/TT-BXD ngày 03/12/2010 của Bộ Xây dựng Quy định về an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình (sau đây viết tắt là Thông tư số 22/2010/TT-BXD);

Căn cứ Thông tư số 05/2011/TT-BXD ngày 09/6/2011 của Bộ Xây dựng Quy định việc kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công tác khảo sát lập bản đồ địa hình phục vụ quy hoạch và thiết kế xây dựng (sau đây viết tắt là Thông tư số 05/2011/TT-BXD);

Căn cứ Thông tư số 02/2012/TT-BXD ngày 12/6/2012 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về bảo trì công trình dân dụng, công trình công nghiệp vật liệu xây dựng và công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị (sau đây viết tắt là Thông tư số 02/2012/TT-BXD);

Căn cứ Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25/7/2013 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết một số nội dung quản lý chất lượng các công trình xây dựng (sau đây viết tắt là Thông tư số 10/2013/TT-BXD);

Căn cứ Thông tư số 12/2013/TT-BXD ngày 31/7/2013 của Bộ Xây dựng ban hành Quy định tổ chức giải thưởng về chất lượng công trình xây dựng (sau đây viết tắt là Thông tư số 12/2013/TT-BXD);

Căn cứ Thông tư số 13/2013/TT-BXD ngày 15/8/2013 của Bộ Xây dựng Quy định thẩm tra, thẩm định và phê duyệt thiết kế xây dựng công trình (sau đây viết tắt là Thông tư số 13/2013/TT-BXD);

Căn cứ Quyết định số 44/2010/QĐ-UBND ngày 16/12/2010 của UBND tỉnh Lào Cai về Ban hành Quy chế phối hợp quản lý Nhà nước đối với các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Căn cứ Quyết định số 13/2009/QĐ-UBND ngày 30/6/2009 của UBND tỉnh Lào Cai về Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Xây dựng tỉnh Lào Cai,

Sở Xây dựng hướng dẫn một số nội dung Quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Lào Cai trong công tác khảo sát, thiết kế; Công tác giám sát thi công; Công tác thi công xây dựng công trình; Quản lý an toàn lao động, giải quyết sự cố trong thi công xây dựng và khai thác, sử dụng công trình xây dựng; Quy định về bảo hành, bảo trì công trình xây dựng.

I. Áp dụng Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia, tiêu chuẩn trong hoạt động xây dựng.

Quy định tại Điều 5, Nghị định số 15/2013/NĐ-CP.

1.1. Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia bắt buộc phải được tuân thủ trong hoạt động xây dựng.

1.2. Chủ đầu tư phải trình người Quyết định đầu tư phê duyệt và chấp thuận danh mục các Quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng cho công trình trong quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình và chỉ được thay đổi khi có sự chấp thuận của người quyết định đầu tư.

1.3. Yêu cầu các chủ đầu tư có công trình xây dựng sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai áp dụng Quy chuẩn, tiêu chuẩn quốc gia theo Quyết định số 803/QĐ-UBND ngày 16/4/2012 của UBND tỉnh Lào Cai (Nguồn cung cấp tiêu chuẩn tại Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng - Bộ Khoa học và Công nghệ).

II. Phân định trách nhiệm các tổ chức, cá nhân về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

1. Phân định trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng giữa chủ đầu tư với ban quản lý dự án hoặc tư vấn quản lý dự án.

1.1. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức quản lý chất lượng công trình xây dựng từ khảo sát, thiết kế đến thi công xây dựng và nghiệm thu, bảo hành công trình, bao gồm:

- Lựa chọn các nhà thầu đủ điều kiện năng lực để thực hiện các hoạt động xây dựng công trình; chấp thuận các nhà thầu phụ tham gia hoạt động xây dựng công trình do nhà thầu chính hoặc tổng thầu đề xuất theo quy định của hợp đồng.

- Quản lý chất lượng khảo sát xây dựng và thiết kế xây dựng công trình theo quy định tại Điều 13, Điều 18 và Điều 21 Nghị định 15/2013/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan tại Thông tư số 10/2013/TT- BXD.

- Quản lý chất lượng thi công xây dựng công trình theo quy định tại Điều 24 Nghị định 15/2013/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan tại Thông tư số 10/2013/TT- BXD.

- Tổ chức nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định tại Điều 31 Nghị định 15/2013/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan tại Thông tư số 10/2013/TT- BXD.

- Tổ chức thực hiện bảo hành công trình xây dựng theo quy định tại Chương V Nghị định 15/2013/NĐ-CP.

- Lưu trữ hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng theo quy định tại Điều 28 Thông tư số 10/2013/TT- BXD.

- Giải quyết sự cố theo quy định tại Chương VI Nghị định 15/2013/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan tại Thông tư số 10/2013/TT- BXD.

- Thực hiện các yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng theo quy định của pháp luật trong quá trình đầu tư xây dựng công trình.

1.2. Người đại diện theo pháp luật của chủ đầu tư có thể ủy quyền cho ban quản lý dự án (trong trường hợp trực tiếp quản lý dự án) hoặc tư vấn quản lý dự án (trong trường hợp thuê tư vấn quản lý dự án) thực hiện một hoặc một số các nội dung nêu tại điểm 1.1, Khoản 1, mục này, trừ các nội dung sau: phê duyệt nhiệm vụ thiết kế xây dựng công trình, phê duyệt thiết kế xây dựng công trình làm cơ sở đấu thầu lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng công trình, phê duyệt kết quả đấu thầu và lựa chọn nhà thầu, nghiệm thu hoặc phê duyệt kết quả nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng đưa vào sử dụng.

1.3. Trường hợp chủ đầu tư ủy quyền cho ban quản lý dự án, chủ đầu tư có trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện của ban quản lý dự án. Ban quản lý dự án chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và pháp luật theo nhiệm vụ và quyền hạn được chủ đầu tư ủy quyền.

1.4. Trường hợp chủ đầu tư thuê tư vấn quản lý dự án, việc ủy quyền của chủ đầu tư cho tư vấn quản lý dự án phải được quy định rõ trong hợp đồng. Chủ đầu tư có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc, theo dõi việc thực hiện hợp đồng của tư vấn quản lý dự án. Tư vấn quản lý dự án chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và pháp luật về việc thực hiện các cam kết trong hợp đồng.

1.5. Trường hợp tự thực hiện thiết kế, thi công xây dựng công trình thì chủ đầu tư thành lập bộ phận quản lý chất lượng công trình độc lập với bộ phận thiết kế, thi công xây dựng công trình để quản lý chất lượng công trình theo các quy định tại mục này.

2. Phân định trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng trong trường hợp áp dụng hình thức hợp đồng tổng thầu thiết kế - cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình (tổng thầu EPC); hợp đồng tổng thầu thiết kế và thi công xây dựng công trình (EC) quy định tại Điều 3, Thông tư số 10/2013/TT- BXD.

3. Phân định trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng trong trường hợp áp dụng hình thức hợp đồng tổng thầu thi công xây dựng công trình (tổng thầu C); hợp đồng tổng thầu thiết kế và cung cấp thiết bị công nghệ (tổng thầu EP); hợp đồng tổng thầu cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình (tổng thầu PC) quy định tại Điều 4, Thông tư số 10/2013/TT- BXD.

4. Phân định trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng trong trường hợp áp dụng đầu tư theo hình thức hợp đồng Xây dựng-Kinh doanh-Chuyên giao (BOT), Hợp đồng Xây dựng - Chuyên giao - Kinh doanh (BTO), Hợp đồng Xây dựng - Chuyên giao (BT), đối tác công tư (PPP) quy định tại Điều 5, Thông tư số 10/2013/TT- BXD.

III. Chỉ dẫn kỹ thuật và Phân cấp các loại công trình xây dựng:

1. Chỉ dẫn kỹ thuật quy định chi tiết tại Điều 6, Thông tư số 10/2013/TT- BXD.

2. Phân cấp các loại công trình xây dựng quy định chi tiết tại Điều 7, Thông tư số 10/2013/TT- BXD.

2.1. Cấp các loại công trình xây dựng quy định tại thông tư số 10/2013/TT- BXD là cơ sở để thực hiện các công việc sau:

- Quy định đối tượng công trình phải lập chỉ dẫn kỹ thuật.
- Quy định về việc công bố thông tin năng lực của các tổ chức, cá nhân hoạt động xây dựng công trình.
- Quy định đối tượng công trình phải được cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng thẩm tra thiết kế và kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng.
- Quy định về phân cấp sự cố và giải quyết sự cố trong quá trình thi công xây dựng.
- Quy định về thời hạn bảo hành công trình xây dựng.
- Quy định các công việc khác có liên quan.

2.2. Cấp công trình được xác định cho từng công trình, hạng mục công trình độc lập trong dự án đầu tư xây dựng công trình.

IV. Quản lý chất lượng khảo sát xây dựng:

Trình tự thực hiện và quản lý chất lượng quy định tại Điều 12, Nghị định số 15/2013/NĐ-CP.

1. Chủ đầu tư.

Quy định tại Điều 13, Nghị định số 15/2013/NĐ-CP và Điều 8, 9, 10, 12 Thông tư số 10/2013/TT-BXD).

1.1. Lựa chọn nhà thầu tư vấn khảo sát xây dựng đủ điều kiện năng lực đã được công bố trên cổng thông tin điện tử của Sở Xây dựng tỉnh Lào Cai.

1.2. Phê duyệt nhiệm vụ khảo sát xây dựng do nhà thầu thiết kế xây dựng công trình lập (nội dung nhiệm vụ khảo sát xây dựng theo Điều 8, Thông tư số 10/2013/TT-BXD).

1.3. Phê duyệt phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng (nội dung phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng theo Điều 9, Thông tư số 10/2013/TT-BXD).

1.4. Kiểm tra việc tuân thủ các quy định trong hợp đồng xây dựng của nhà thầu khảo sát xây dựng trong quá trình thực hiện khảo sát.

1.5. Tự thực hiện hoặc thuê tổ chức, cá nhân có năng lực, chuyên môn phù hợp với loại hình khảo sát để thực hiện giám sát công tác khảo sát xây dựng (nội dung giám sát theo Điều 10, Thông tư số 10/2013/TT-BXD).

1.6. Nghiệm thu báo cáo kết quả khảo sát xây dựng (nội dung nghiệm thu theo Điều 12, Thông tư số 10/2013/TT-BXD).

1.7. Việc kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công tác khảo sát lập bản đồ địa hình phục vụ quy hoạch và thiết kế xây dựng thực hiện theo Thông tư số 05/2011/TT-BXD ngày 09/6/2011 của Bộ Xây dựng.

2. Nhà thầu khảo sát xây dựng.

Quy định tại Điều 14, Nghị định số 15/2013/NĐ-CP và Điều 8, 9, 10, 11, 12 Thông tư số 10/2013/TT-BXD.

2.1. Lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng khi có yêu cầu của chủ đầu tư; Lập phương án kỹ thuật khảo sát phù hợp với nhiệm vụ khảo sát xây dựng và các tiêu chuẩn về khảo sát xây dựng được áp dụng.

2.2. Lập phương án kỹ thuật khảo sát phù hợp với nhiệm vụ khảo sát xây dựng và các tiêu chuẩn về khảo sát xây dựng được áp dụng (nội dung phương án khảo sát theo Điều 9, Thông tư số 10/2013/TT-BXD).

2.3. Đối với công tác kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công tác khảo sát lập bản đồ địa hình phục vụ quy hoạch và thiết kế xây dựng thực hiện theo Thông tư số 05/2011/TT-BXD.

2.4. Bố trí đủ cán bộ có kinh nghiệm và chuyên môn phù hợp để thực hiện khảo sát; cử người có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật để làm chủ nhiệm khảo sát xây dựng (theo đúng hợp đồng xây dựng và hồ sơ trúng thầu).

2.5. Thực hiện khảo sát theo phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng được phê duyệt; sử dụng thiết bị, phòng thí nghiệm hợp chuẩn theo quy định của pháp luật và phù hợp với công việc khảo sát.

- Đối với các đơn vị khảo sát không có phòng thí nghiệm hợp chuẩn theo quy định của pháp luật thì trong hồ sơ dự thầu phải có hợp đồng nguyên tắc với đơn vị tư vấn có phòng thí nghiệm hợp chuẩn tại Lào Cai và phải được chủ đầu tư chấp thuận khi trúng thầu hoặc có thể sử dụng phòng thí nghiệm của Trung tâm kiểm định Lào Cai trong đề xuất hồ sơ dự thầu.

2.6. Bảo đảm an toàn cho người, thiết bị, các công trình hạ tầng kỹ thuật và các công trình xây dựng khác trong khu vực khảo sát.

2.7. Bảo vệ môi trường, giữ gìn cảnh quan trong khu vực khảo sát; phục hồi hiện trường sau khi kết thúc khảo sát.

2.8. Tổ chức tự giám sát trong quá trình khảo sát, ghi nhật ký khảo sát, lập biên bản nghiệm thu công tác khảo sát ngoài hiện trường. Lập báo cáo và nghiệm thu báo cáo kết quả khảo sát xây dựng đáp ứng yêu cầu của hợp đồng; kiểm tra, khảo sát lại hoặc khảo sát bổ sung khi báo cáo kết quả khảo sát xây dựng không phù hợp với điều kiện tự nhiên nơi xây dựng công trình hoặc không đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ khảo sát (nội dung giám sát, báo cáo, nghiệm thu công tác khảo sát (theo Điều 10, 11, 12 Thông tư số 10/2013/TT-BXD).

3. Nhà thầu tư vấn giám sát khảo sát xây dựng:

Trường hợp chủ đầu tư thuê tư vấn giám sát thì nhà thầu tư vấn giám sát thực hiện các nội dung sau:

3.1. Cử người có chuyên môn phù hợp với loại hình khảo sát để thực hiện giám sát khảo sát xây dựng theo nội dung của hợp đồng xây dựng và hồ sơ trúng thầu.

3.2. Giúp chủ đầu tư lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng khi có yêu cầu của chủ đầu tư hoặc kiểm tra nhiệm vụ khảo sát xây dựng do nhà thầu tư vấn thiết kế hoặc nhà thầu tư vấn khảo sát lập; Phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng do nhà thầu khảo sát lập, trước khi chủ đầu tư

phê duyệt (nội dung nhiệm vụ khảo sát xây dựng, phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng theo Điều 8, 9 Thông tư số 10/2013/TT-BXD).

3.3. Giúp chủ đầu tư giám sát công tác khảo sát xây dựng (nội dung giám sát theo Điều 10, Thông tư số 10/2013/TT-BXD).

3.4. Giúp chủ đầu tư nghiệm thu báo cáo kết quả khảo sát xây dựng (nội dung nghiệm thu theo Điều 12, Thông tư số 10/2013/TT-BXD).

3.5. Giúp chủ đầu tư kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công tác khảo sát lập bản đồ địa hình phục vụ quy hoạch và thiết kế xây dựng thực hiện theo Thông tư số 05/2011/TT-BXD ngày 09/6/2011 của Bộ Xây dựng.

3.6. Đề xuất bổ sung nhiệm vụ khảo sát xây dựng nếu trong quá trình giám sát khảo sát phát hiện các yếu tố khác thường ảnh hưởng trực tiếp đến giải pháp thiết kế.

V. Quản lý chất lượng thiết kế xây dựng công trình:

Trình tự thực hiện và quản lý chất lượng quy định tại Điều 17, Nghị định số 15/2013/NĐ-CP.

1. Chủ đầu tư.

Quy định tại Điều 18, Nghị định số 15/2013/NĐ-CP và Điều 13, 14, 15 Thông tư số 10/2013/TT-BXD.

1.1. Lựa chọn nhà thầu tư vấn thiết kế xây dựng công trình đủ điều kiện năng lực đã được công bố trên cổng thông tin điện tử của Sở Xây dựng tỉnh Lào Cai.

1.2. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức lập nhiệm vụ thiết kế (tự lập hoặc thuê tư vấn lập nhiệm vụ thiết kế xây dựng công trình) trên cơ sở báo cáo đầu tư xây dựng công trình (báo cáo nghiên cứu tiền khả thi) hoặc chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (nội dung lập nhiệm vụ thiết kế theo Điều 13, Thông tư số 10/2013/TT-BXD).

1.3. Kiểm tra việc tuân thủ các quy định trong hợp đồng của nhà thầu thiết kế trong quá trình thực hiện hợp đồng.

1.4. Kiểm tra và trình thiết kế cơ sở cho cơ quan thẩm định trình người quyết định đầu tư phê duyệt theo quy định của pháp luật.

1.5. Tổ chức thẩm định, phê duyệt thiết kế - dự toán (Quy định tại Điều 20 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP và Quy định chi tiết tại Thông tư số 13/2013/TT-BXD).

1.6. Thực hiện thay đổi thiết kế theo quy định tại Điều 22, Nghị định số 15/2013/NĐ-CP;

1.7. Tổ chức nghiệm thu hồ sơ thiết kế xây dựng công trình (nội dung nghiệm thu theo Điều 14, 15, Thông tư số 10/2013/TT-BXD).

1.8. Yêu cầu nhà thầu tư vấn thiết kế, nhà thầu cung cấp thiết bị lắp đặt vào công trình lập và bàn giao hồ sơ bảo trì theo quy định tại Điều 6, Nghị định 114/2010/NĐ-CP và Thông tư số 02/2012/TT-BXD.

1.9. Tổ chức lập và phê duyệt chỉ dẫn kỹ thuật (theo quy định tại Điều 6, Thông tư số 10/2013/TT-BXD).

2. Nhà thầu thiết kế.

Quy định tại Điều 15, Nghị định 15/2013/NĐ-CP và Điều 13, 14, 15 Thông tư số 10/2013/TT-BXD.

2.1. Lập nhiệm vụ thiết kế; Yêu cầu về việc tự kiểm soát chất lượng thiết kế và quy cách hồ sơ thiết kế; Nghiệm thu hồ sơ thiết kế xây dựng công trình (nội dung theo quy định tại Điều 13, Điều 14, Điều 15, Thông tư số 10/2013/TT-BXD).

2.2. Kiểm tra sự phù hợp của số liệu khảo sát với yêu cầu của bước thiết kế, tham gia nghiệm thu báo cáo kết quả khảo sát xây dựng khi được chủ đầu tư yêu cầu.

2.3. Kiến nghị chủ đầu tư thực hiện khảo sát xây dựng bổ sung khi phát hiện kết quả khảo sát không đáp ứng yêu cầu khi thực hiện thiết kế hoặc phát hiện những yếu tố khác thường ảnh hưởng đến thiết kế.

2.4. Bố trí đủ người có kinh nghiệm và chuyên môn phù hợp để thực hiện thiết kế; cử người có đủ điều kiện năng lực theo quy định để làm chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế, kiểm tra thiết kế (KCS) theo đúng hợp đồng xây dựng và hồ sơ trúng thầu.

2.5. Sử dụng kết quả khảo sát đáp ứng được yêu cầu của bước thiết kế và phù hợp với tiêu chuẩn được áp dụng cho công trình.

2.6. Tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn quốc gia được áp dụng cho công trình; lập hồ sơ thiết kế đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ thiết kế, nội dung của từng bước thiết kế, quy định của hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan.

2.7. Lập và cung cấp cho chủ đầu tư quy trình bảo trì công trình theo quy định tại Nghị định 114/2010/NĐ-CP và Thông tư số 02/2012/TT-BXD.

2.8. Lập chỉ dẫn kỹ thuật (quy định tại Điều 6 Thông tư số 10/2013/TT-BXD).

2.9. Thực hiện việc giám sát tác giả của nhà thầu thiết kế xây dựng công trình (Nội dung giám sát quy định (theo Điều 19 Thông tư số 10/2013/TT-BXD).

2.10. Thực hiện thay đổi thiết kế (theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP).

VI. Quản lý chất lượng thi công xây dựng công trình:

Trình tự thực hiện và quản lý chất lượng quy định tại Điều 23, Nghị định số 15/2013/NĐ-CP.

1. Chủ đầu tư.

Quy định tại Điều 24, 29, 30, 31, 32, Nghị định số 15/2013/NĐ-CP và Điều 16, 17, 18, 19, Thông tư số 10/2013/TT-BXD.

1.1. Lựa chọn các tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Sở Xây dựng để thực hiện thi công xây dựng công trình.

1.2. Thông báo về nhiệm vụ, quyền hạn, thông tin cá nhân và mẫu chữ ký của các cá nhân trong hệ thống quản lý chất lượng của chủ đầu tư, nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình cho các nhà thầu có liên quan biết để phối hợp thực hiện.

1.3. Kiểm tra các điều kiện khởi công công trình xây dựng theo quy định tại Điều 72 Luật Xây dựng.

1.4. Kiểm tra sự phù hợp năng lực của nhà thầu thi công xây dựng công trình so với hồ sơ dự thầu và hợp đồng xây dựng, bao gồm: Nhân lực, thiết bị thi công, phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (LAS-XD), hệ thống quản lý chất lượng của nhà thầu thi công xây dựng công trình.

1.5. Kiểm tra việc huy động và bố trí nhân lực của nhà thầu thi công, nhà thầu giám sát thi công (nếu có) so với yêu cầu của hợp đồng xây dựng và hồ sơ trúng thầu.

1.6. Kiểm tra và giám sát trong quá trình thi công xây dựng công trình, bao gồm:

- Kiểm tra vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, thiết bị lắp đặt vào công trình, thực hiện thí nghiệm kiểm tra chất lượng khi cần thiết;

- Kiểm tra và phê duyệt biện pháp thi công trong đó quy định rõ các biện pháp bảo đảm an toàn cho người, máy, thiết bị và công trình của nhà thầu thi công xây dựng công trình;

- Kiểm tra, đôn đốc, giám sát nhà thầu thi công, nhà thầu giám sát thi công và nhà thầu thiết kế (giám sát tác giả) triển khai công việc tại hiện trường;

- Yêu cầu nhà thầu thiết kế điều chỉnh khi phát hiện sai sót, bất hợp lý về thiết kế;

- Kiểm tra tài liệu phục vụ nghiệm thu của nhà thầu thi công;

- Kiểm tra việc ghi chép nhật ký của nhà thầu thi công và xác nhận bản vẽ hoàn công của nhà thầu thi công lập (theo quy định tại Điều 18, Thông tư số 10/2013/TT-BXD).

1.7. Thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường đối với các công trình xây dựng theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

1.8. Tổ chức thí nghiệm đối chứng, kiểm định chất lượng, thí nghiệm khả năng chịu lực của kết cấu công trình trong quá trình thi công xây dựng khi có nghi ngờ về chất lượng hoặc khi được cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng yêu cầu;

1.9. Tạm dừng thi công đối với nhà thầu thi công xây dựng khi xét thấy chất lượng thi công xây dựng không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, biện pháp thi công không đảm bảo an toàn.

1.10. Chủ trì, phối hợp với các bên liên quan giải quyết những vướng mắc, phát sinh trong thi công xây dựng công trình.

1.11. Chủ đầu tư có thể thuê nhà thầu tư vấn quản lý dự án hoặc tư vấn giám sát thực hiện một phần hoặc toàn bộ các công việc nêu tại Khoản 3, Khoản 4, Khoản 6, Khoản 9, Khoản 10 và Khoản 13 Điều 24 của Nghị định số 15/2013/NĐ-CP và một số công việc khác khi cần thiết.

1.12. Kiểm tra, đôn đốc nhà thầu thi công xây dựng tuân thủ biện pháp thi công và các giải pháp về an toàn đã được phê duyệt.

1.13. Tổ chức lập và lưu trữ hồ sơ hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng theo quy định tại Điều 30 của Nghị định số 15/2013/NĐ-CP (Danh mục, quy cách và số lượng hồ sơ hoàn thành công trình theo phụ lục số 5, Thông tư số 10/2013/TT-BXD).

- Hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng phải được lập đầy đủ trước khi đưa hạng mục công trình hoặc công trình vào khai thác, sử dụng. Hồ sơ hoàn thành công trình có thể được lập một lần chung cho toàn bộ dự án đầu tư xây dựng công trình hoặc lập riêng từng công trình hoặc hạng mục công trình thuộc dự án.

2. Nhà thầu tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình.

Quy định tại Điều 27 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP và Điều 19 Thông tư số 10/2013/TT-BXD.

2.1. Chỉ được nhận thầu giám sát thi công xây dựng công trình phù hợp với điều kiện năng lực hoạt động giám sát thi công xây dựng công trình, năng lực hành nghề giám sát thi công xây dựng công trình.

2.2. Cử người có đủ năng lực theo quy định để thực hiện nhiệm vụ của giám sát trưởng và các chức danh giám sát khác; Lập sơ đồ tổ chức và đề cương giám sát bao gồm nhiệm vụ, quyền hạn, nghĩa vụ của các chức danh giám sát; lập kế hoạch và quy trình kiểm soát chất lượng, quy trình kiểm tra và nghiệm thu, phương pháp quản lý các hồ sơ, tài liệu có liên quan trong quá trình giám sát thi công xây dựng và phải được đề xuất ngay trong hồ sơ dự thầu.

2.3. Có bản đăng ký chữ ký của các thành viên trong tổ tư vấn giám sát hoặc đoàn giám sát cho chủ đầu tư, nhà thầu thi công biết để kiểm tra, kiểm soát trong quá trình xây dựng công trình.

2.4. Thực hiện giám sát thi công xây dựng theo yêu cầu của hợp đồng xây dựng, đề cương đã được chủ đầu tư chấp thuận và quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

2.5. Nghiệm thu các công việc do nhà thầu thi công xây dựng thực hiện theo yêu cầu của hợp đồng xây dựng.

2.6. Chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và pháp luật về chất lượng công trình xây dựng tương ứng với phần công việc do mình thực hiện.

3. Nhà thầu thi công xây dựng công trình.

Quy định tại Điều 25, 29, 34, 35 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP và Điều 16, 17, 18 Thông tư số 10/2013/TT-BXD.

3.1. Chỉ được nhận thầu thi công xây dựng công trình phù hợp với điều kiện năng lực hoạt động thi công xây dựng.

3.2. Lập hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với quy mô công trình, trong đó quy định trách nhiệm của từng cá nhân, từng bộ phận đối với việc quản lý chất lượng công trình xây dựng ngay từ khi lập hồ sơ dự thầu và được thống nhất các nội dung về hệ thống quản lý chất lượng trong hợp đồng thi công xây dựng công trình (hệ thống quản lý chất lượng bao gồm: Nhân lực con người quản lý, giám sát, hướng dẫn kỹ thuật, thực hiện thi công; Thiết bị dùng để thi công, thí nghiệm vật liệu và cấu kiện dùng để xây dựng công trình; Tài liệu Quy chuẩn, tiêu chuẩn quốc gia và các văn bản có liên quan để áp dụng thi công...).

3.3. Bố trí nhân lực, cung cấp vật tư, thiết bị thi công theo yêu cầu của hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan.

3.4. Tiếp nhận và quản lý mặt bằng xây dựng, bảo quản mốc định vị và mốc giới công trình.

3.5. Lập biện pháp thi công, tiến độ thi công chi tiết trong đó quy định rõ các biện pháp đảm bảo an toàn cho người, máy, thiết bị và công trình.

3.5. Phải có phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng hợp chuẩn đặt tại Lào Cai (LAS-XD); Thực hiện các công tác kiểm tra, thí nghiệm vật liệu, cấu kiện, vật tư, thiết bị công trình, thiết bị công nghệ trước khi xây dựng và lắp đặt vào công trình xây dựng theo quy định của tiêu chuẩn, yêu cầu của thiết kế và yêu cầu của hợp đồng xây dựng. Trường hợp nhà thầu không có phòng thí nghiệm thì phải có hợp đồng nguyên tắc với phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng hợp chuẩn đặt tại Lào Cai (LAS-XD) trong hồ sơ dự thầu và được chủ đầu tư chấp thuận khi trúng thầu.

3.6. Thi công xây dựng theo đúng hợp đồng xây dựng, giấy phép xây dựng, thiết kế xây dựng công trình; đảm bảo chất lượng công trình, an toàn và vệ sinh môi trường trong thi công xây dựng.

3.7. Thông báo kịp thời cho chủ đầu tư, tư vấn giám sát (trường hợp thuê tư vấn giám sát) nếu phát hiện bất kỳ sai khác nào giữa thiết kế, hồ sơ hợp đồng và điều kiện hiện trường.

3.8. Quản lý công tác an toàn trong thi công xây dựng theo quy định tại Điều 29 (trừ khoản 8) Nghị định số 15/2013/NĐ-CP.

3.9. Sửa chữa sai sót, khiếm khuyết chất lượng đối với những công việc do mình thực hiện; chủ trì, phối hợp với chủ đầu tư khắc phục hậu quả sự cố trong quá trình thi công xây dựng công trình; lập báo cáo sự cố và phối hợp với các bên liên quan trong quá trình giám định nguyên nhân sự cố.

3.10. Lập nhật ký thi công và bản vẽ hoàn công theo quy định tại Điều 18 Thông tư số 10/2013/TT-BXD.

Nhật ký thi công phải được ghi chép thường xuyên, nội dung bao gồm các thông tin:

- Diễn biến điều kiện thi công (nhiệt độ, thời tiết và các thông tin liên quan), tình hình thi công, nghiệm thu các công việc xây dựng hàng ngày trên công trường; mô tả chi tiết các sự cố, hư hỏng và các vấn đề phát sinh khác trong quá trình thi công xây dựng công trình;

- Các kiến nghị và những ý kiến chỉ đạo giải quyết các vấn đề phát sinh của các bên có liên quan.

3.11. Báo cáo chủ đầu tư về tiến độ, chất lượng, khối lượng, an toàn lao động và vệ sinh môi trường thi công xây dựng theo yêu cầu của chủ đầu tư.

3.12. Hoàn trả mặt bằng, di chuyển vật tư, máy móc, thiết bị và những tài sản khác của mình ra khỏi công trường sau khi công trình đã được nghiệm thu, bàn giao, trừ trường hợp trong hợp đồng có thỏa thuận khác.

3.13. Thực hiện bảo hành công trình xây dựng theo quy định tại Điều 34, Khoản 2 và Khoản 3 Điều 35 của Nghị định số 15/2013/NĐ-CP.

4. Nội dung công tác nghiệm thu công trình xây dựng:

Quy định tại Điều 31 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP và Điều 20, 21, 22, Thông tư số 10/2013/TT-BXD.

Chủ đầu tư và nhà thầu thi công xây dựng phải quy định rõ trong hợp đồng thi công xây dựng các công việc cần nghiệm thu, bàn giao; các căn cứ, điều kiện, quy trình, thời điểm, các tài liệu có liên quan đến công tác nghiệm thu và thành phần tham gia nghiệm thu, bàn giao hạng mục công trình, công trình hoàn thành. Kết quả nghiệm thu, bàn giao phải được lập thành biên bản.

4.1. Nghiệm thu vật liệu, thiết bị, sản phẩm chế tạo sẵn trước khi sử dụng vào xây dựng công trình (mẫu biên bản theo phụ lục số 1 của hướng dẫn này).

4.2. Nghiệm thu công việc xây dựng theo quy định tại Điều 20, Thông tư số 10/2013/TT-BXD (hoặc theo mẫu biên bản theo phụ lục số 2 của hướng dẫn này; Phần khối lượng công việc được nghiệm thu phải được diễn giải chi tiết theo phụ lục kèm theo biên bản nghiệm thu).

4.3. Nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng hoặc bộ phận công trình xây dựng theo quy định tại Điều 21, Thông tư số 10/2013/TT-BXD (hoặc theo mẫu biên bản theo phụ lục số 3 của hướng dẫn này; Phần khối lượng của các bộ phận công trình hoặc giai đoạn được nghiệm thu là tổng hợp các khối lượng của các biên bản nghiệm thu công việc thuộc bộ phận hoặc giai đoạn đó kèm theo biên bản nghiệm thu công việc; Bản vẽ hoàn công bộ phận hoặc công trình phải lập ngay cùng thời điểm biên bản nghiệm thu). Các bộ phận công trình bị chìm khuất thì bắt buộc phải tổ chức nghiệm thu khi thi công xong.

4.4. Nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng để đưa vào sử dụng theo quy định tại Điều 22, Thông tư số 10/2013/TT-BXD (hoặc theo mẫu biên bản theo phụ lục số 4 của hướng dẫn này).

** Ghi chú: Các biểu mẫu biên bản nghiệm thu đưa ra để các chủ đầu tư tham khảo áp dụng nghiệm thu cho phù hợp với từng công việc, bộ phận, giai đoạn nghiệm thu. Diễn giải chi tiết về khối lượng phải được nghiệm thu kèm theo biên bản và được hướng dẫn tại mẫu biên bản phụ lục số 2.*

5. Nội dung kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng.

Quy định tại Điều 32 Nghị định 15/2013/NĐ-CP và Điều 24, Thông tư số 10/2013/TT-BXD.

5.1. Sau khi khởi công công trình, chủ đầu tư có trách nhiệm thông báo bằng văn bản gửi cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành (theo phân cấp quy định tại Điều 25 Thông tư số 10/2013/TT-BXD) các thông tin sau: Tên và địa chỉ liên lạc của chủ đầu tư, tên công trình, địa điểm xây dựng, quy mô và tiến độ thi công dự kiến của công trình.

5.2. Trước khi nghiệm thu đưa vào sử dụng các công trình, hạng mục công trình xây dựng quy định khoản 1, Điều 21 của Nghị định số 15/2013/NĐ-CP, chủ đầu tư phải gửi báo cáo chất lượng cùng danh mục hồ sơ hoàn thành hạng mục công trình, công trình để Sở xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra lần cuối. Thời gian gửi hồ sơ trước 10 ngày làm việc (đối với công trình cấp II, III và cấp IV), trước 20 ngày làm việc (đối với công trình cấp đặc biệt và cấp I) so với ngày chủ đầu tư dự kiến tổ chức nghiệm thu hạng mục công trình hoặc công trình đưa vào sử dụng (danh mục hồ sơ hoàn thành quy định tại phụ lục số 5, Thông tư số 10/2013/TT-BXD);

- Sở Xây dựng kiểm tra đối với các công trình theo điểm a, khoản 4, điều 41, Nghị định số 15/2013/NĐ-CP;

- Sở Giao thông vận tải chủ trì phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra đối với các công trình theo điểm b, khoản 4, điều 41, Nghị định số 15/2013/NĐ-CP;

- Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra đối với các công trình theo điểm c, khoản 4, điều 41, Nghị định số 15/2013/NĐ-CP;

- Sở Công thương chủ trì phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra đối với các công trình theo điểm d, khoản 4, điều 41, Nghị định số 15/2013/NĐ-CP.

- UBND các huyện, thành phố Lào Cai kiểm tra công tác nghiệm thu đối với các công trình theo phân cấp tại Quyết định số 47/2012/QĐ-UBND ngày 10/10/2012 của UBND tỉnh Lào Cai.

5.3. Sở Xây dựng, các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, UBND các huyện, thành phố Lào Cai phải có kết luận bằng văn bản các nội dung kiểm tra trong thời hạn 15 ngày làm việc (đối với công trình cấp III và cấp IV) và 30 ngày làm việc (đối với công trình cấp đặc biệt và cấp I và cấp II) kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5.4. Các hạng mục công trình xây dựng hoàn thành và công trình xây dựng hoàn thành chỉ được phép đưa vào sử dụng sau khi được Sở Xây dựng, các Sở có quản lý công trình xây dựng chuyên ngành và UBND các huyện, thành phố Lào Cai kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư.

5.5. Trong trường hợp chủ đầu tư không phải là chủ quản lý, chủ sử dụng công trình thì chủ đầu tư có trách nhiệm bàn giao công trình cho chủ quản lý, chủ sử dụng công trình sau khi đã tổ chức nghiệm thu hoàn thành công trình. Kết quả bàn giao phải được lập thành biên bản. (mẫu biên bản theo phụ lục số 5 của hướng dẫn này);

5.6. Khi tiến hành bàn giao công trình, chủ đầu tư phải giao cho chủ quản lý, chủ sử dụng công trình các tài liệu sau:

- Hồ sơ hoàn thành công trình;
- Quy trình bảo trì, quy trình vận hành công trình; hồ sơ thiết kế, bản vẽ hoàn công và các tài liệu khác có liên quan tới việc vận hành, bảo trì công trình;
- Danh mục các thiết bị, phụ tùng, vật tư dự trữ chưa lắp đặt hoặc sử dụng.

VII. Quản lý chất lượng vật liệu, sản phẩm, thiết bị, cấu kiện của nhà thầu chế tạo, sản xuất, cung cấp vật liệu, sản phẩm, thiết bị, cấu kiện sử dụng cho công trình xây dựng.

Trách nhiệm của nhà thầu chế tạo, sản xuất, cung cấp vật liệu, sản phẩm, thiết bị, cấu kiện sử dụng cho công trình xây dựng Quy định tại Điều 26, Nghị định số 15/2013/NĐ-CP.

1. Đảm bảo chất lượng vật liệu, sản phẩm, thiết bị, cấu kiện xây dựng theo tiêu chuẩn kỹ thuật được công bố áp dụng và các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng, đáp ứng được yêu cầu của thiết kế. (đối với những sản phẩm VLXD có Tiêu chuẩn quốc gia thì nhà sản xuất phải công bố tiêu chuẩn áp dụng không được thấp hơn tiêu chuẩn quốc gia TCVN).

2. Cung cấp cho bên giao thầu đầy đủ thông tin, tài liệu liên quan tới sản phẩm, hàng hóa theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và pháp luật khác có liên quan; đảm bảo quy định về nhãn mác sản phẩm, hàng hóa.

3. Thực hiện việc chứng nhận hợp quy, hợp chuẩn theo quy định của pháp luật và thực hiện thí nghiệm kiểm tra chất lượng theo yêu cầu của hợp đồng.

4. Thực hiện các thỏa thuận với bên giao thầu về quy trình và phương pháp kiểm tra chất lượng vật liệu, sản phẩm, thiết bị và cấu kiện xây dựng trước và trong quá trình sản xuất cũng như trong quá trình cung ứng, sử dụng, lắp đặt vào công trình.

5. Chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và pháp luật về chất lượng công trình xây dựng tương ứng với phần công việc do mình thực hiện, kể cả sau thời gian bảo hành.

VIII. Thí nghiệm đối chứng, kiểm định chất lượng, thí nghiệm khả năng chịu lực của kết cấu công trình trong quá trình thi công xây dựng.

Trách nhiệm của nhà thầu thí nghiệm đối chứng, kiểm định chất lượng, thí nghiệm khả năng chịu lực của kết cấu công trình trong quá trình thi công xây dựng Quy định tại Điều 26, Thông tư số 10/2013/TT-BXD.

1. Chỉ được nhận kiểm định chất lượng công trình xây dựng phù hợp với năng lực theo quy định của pháp luật.

2. Lập đề cương kiểm định trình tổ chức, cá nhân hoặc cơ quan quản lý nhà nước xem xét chấp thuận. Tổ chức thực hiện kiểm định theo đúng đề cương đã được chấp thuận.

3. Lập báo cáo đánh giá, kết luận nội dung yêu cầu kiểm định của hợp đồng để gửi cho tổ chức, cá nhân có yêu cầu kiểm định.

4. Chịu trách nhiệm trước các cơ quan quản lý Nhà nước, trước pháp luật và phải bồi thường những thiệt hại về các công việc do mình thực hiện.

5. Trong quá trình thanh tra, kiểm tra để có cơ sở đánh giá chất lượng công trình xây dựng hoặc trong quá trình thi công xây dựng thì Sở Xây dựng, các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Chủ đầu tư các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai chỉ định Trung tâm kiểm định xây dựng Lào Cai thực hiện kiểm định chất lượng, thí nghiệm đối chứng.

IX. Đăng ký tham dự giải thưởng về chất lượng công trình xây dựng.

Thực hiện theo Thông tư số 12/2013/TT- BXD ngày 31/7/2013 của Bộ Xây dựng ban hành Quy định tổ chức giải thưởng về chất lượng công trình xây dựng, văn bản hướng dẫn số 1015/SXD-QLCL ngày 06/9/2013 về việc hướng dẫn đăng ký tham dự giải thưởng về chất lượng công trình xây dựng.

X. Bảo hành công trình xây dựng.

Quy định tại điều 34, 35 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP.

1. Chủ đầu tư phải thỏa thuận trong hợp đồng với các nhà thầu tham gia xây dựng công trình về quyền và trách nhiệm của các bên trong bảo hành công trình xây dựng; mức tiền bảo hành và việc lưu giữ, sử dụng, hoàn trả tiền bảo hành theo quy định của pháp luật về hợp đồng trong hoạt động xây dựng;

2. Trách nhiệm của các bên về bảo hành công trình quy định tại điều 35 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP.

XI. Bảo trì công trình xây dựng.

Quy định tại Nghị định số 114/2010/NĐ-CP ngày 06/12/2010 của Chính phủ về bảo trì công trình xây dựng.

XII. Tranh chấp về chất lượng công trình xây dựng.

Quy định tại Điều 33, Nghị định số 15/2013/NĐ-CP và Điều 29, Thông tư số 10/2013/TT-BXD.

XIII. Sự cố công trình.

Quy định tại các Điều từ 36 ÷ 40, Nghị định số 15/2013/NĐ-CP và Điều 31, Thông tư số 10/2013/TT-BXD.

1. Bằng phương pháp nhanh nhất chủ đầu tư phải báo cáo tóm tắt về sự cố cho UBND cấp xã nơi xảy ra sự cố và cơ quan cấp trên của mình. Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự cố, chủ đầu tư báo cáo về sự cố bằng văn bản tới UBND cấp huyện, UBND tỉnh và Sở Xây dựng nơi xảy ra sự cố. Đối với tất cả các loại sự cố, nếu có thiệt hại về người thì chủ đầu tư còn phải gửi báo cáo cho Bộ Xây dựng và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

2 Chủ đầu tư và nhà thầu thi công xây dựng công trình có trách nhiệm thực hiện các biện pháp kịp thời để tìm kiếm, cứu hộ, đảm bảo an toàn cho người và tài sản, hạn chế và ngăn ngừa các nguy hiểm có thể tiếp tục xảy ra; tổ chức bảo vệ hiện trường sự cố và giải quyết sự cố theo Điều 38, Nghị định 15/2013/NĐ-CP.

XIV. Báo cáo về tình hình chất lượng và công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng theo Điều 33, Thông tư số 10/2013/TT-BXD.

Để có số liệu báo cáo UBND tỉnh và Bộ Xây dựng đề nghị các chủ đầu tư báo cáo về tình hình chất lượng và công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng do mình quản lý

gửi về Sở Xây dựng Lào Cai trước ngày 05 tháng 12 hằng năm và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu (Sở Xây dựng đã có hướng số 1121/SXD-QLCL ngày 30/9/2013).

XV. Quy định thẩm tra, thẩm định và phê duyệt thiết kế xây dựng công trình quy định tại Thông tư số 13/2013/TT- BXD ngày 15/8/2013 của Bộ Xây dựng.

Đối với các đơn vị thực hiện thẩm tra thiết kế, dự toán:

1. Chỉ được thẩm tra thiết kế, dự toán các công trình phù hợp với năng lực của đơn vị theo đúng loại, cấp công trình đã được Sở Xây dựng Lào Cai thông báo trên cổng thông tin điện tử.

2. Chịu trách nhiệm trước các cơ quan quản lý Nhà nước, trước pháp luật và phải bồi thường những thiệt hại về kết quả thẩm tra do mình thực hiện.

3. Hình thức, nội dung thẩm tra thực hiện theo Thông tư số 13/2013/TT-BXD và văn bản hướng dẫn của Sở Xây dựng Lào Cai.

XVI. Quản lý chất lượng của các cơ quan chuyên môn giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng.

1. Quản lý chất lượng của Sở Xây dựng.

Quy định tại Khoản 1, Điều 45, Nghị định số 15/2013/NĐ-CP.

Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trong phạm vi địa giới hành chính tỉnh Lào Cai, có trách nhiệm:

1.1. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản để triển khai, thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

1.2. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện, các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, các tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động xây dựng thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng của Nhà nước và của tỉnh Lào Cai;

1.3. Chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng dân dụng, công trình công nghiệp vật liệu xây dựng và công trình hạ tầng kỹ thuật. Lập kế hoạch kiểm tra thường xuyên, định kỳ công tác quản lý chất lượng của các chủ thể tham gia xây dựng công trình và kế hoạch kiểm tra chất lượng các công trình xây dựng trên địa bàn. Kiểm tra đột xuất công tác quản lý chất lượng và chất lượng công trình khi phát hiện dấu hiệu vi phạm về chất lượng hoặc theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Xử lý và kiến nghị xử lý các vi phạm về chất lượng công trình xây dựng. Trường hợp phát hiện chất lượng công trình không đảm bảo yêu cầu, có nguy cơ gây sập đổ công trình hoặc biện pháp thi công không đảm bảo an toàn thì được quyền tạm dừng thi công và chỉ cho phép thi công sau khi chủ đầu tư và các nhà thầu khắc phục các tồn tại, đảm bảo an toàn;

1.4. Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với công trình theo quy định tại điểm a, Khoản 4, Điều 41 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP (bao gồm cả công trình thuộc dự án đầu tư theo hình thức Hợp đồng BOT, BTO, BT). Nội dung kiểm tra, Kết quả kiểm tra thực hiện theo quy định tại Điều 24 Thông tư số 10/2013/TT-BXD (Kết quả kiểm tra nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng được lập thành biên bản lưu vào hồ sơ công trình);

1.5. Phối hợp với Bộ Xây dựng kiểm tra đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I trên địa bàn; Phối hợp với Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành; tham gia Hội đồng nghiệm thu nhà nước đối với công trình xây dựng trên địa bàn khi có yêu cầu;

1.6. Giúp UBND tỉnh tổ chức giám định chất lượng công trình xây dựng khi được yêu cầu; Tổ chức giám định nguyên nhân sự cố đối với công trình chuyên ngành do Sở quản lý (quy định tại Điều 39 của Nghị định số 15/2013/NĐ-CP); Theo dõi, tổng hợp báo cáo

UBND tỉnh về tình hình sự cố trên địa bàn; hướng dẫn giải quyết tranh chấp về chất lượng đối với các công trình xây dựng chuyên ngành do Sở chuyên ngành quản lý;

1.7. Công bố trên trang thông tin điện tử do Sở quản lý:

- Thông tin năng lực của các tổ chức, cá nhân hoạt động xây dựng công trình trên địa bàn theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 của Nghị định số 15/2013/NĐ-CP;

- Công bố tên và hành vi vi phạm của các tổ chức theo quy định tại khoản 1 Điều 46 của Nghị định số 15/2013/NĐ-CP.

1.8. Báo cáo UBND tỉnh định kỳ hàng năm hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu về việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng và tình hình chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh;

1.9. Giúp UBND tỉnh tổng hợp và báo cáo Bộ Xây dựng về tình hình chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn định kỳ hằng năm (trước ngày 15 tháng 12) và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu; báo cáo danh sách các nhà thầu vi phạm quy định về quản lý chất lượng công trình khi tham gia các hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh.

2. Quản lý chất lượng của các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành.

Quy định tại Khoản 2, Điều 45, Nghị định số 15/2013/NĐ-CP.

(Sở Công thương; Sở Giao thông vận tải; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

2.1. Chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định tại điểm b, c, d, khoản 4, điều 41 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP. Kiểm tra đột xuất công tác quản lý chất lượng và chất lượng công trình khi phát hiện dấu hiệu vi phạm về chất lượng hoặc theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Xử lý và kiến nghị xử lý các vi phạm về chất lượng công trình xây dựng. Trường hợp phát hiện chất lượng công trình không đảm bảo yêu cầu, có nguy cơ gây sập đổ công trình hoặc biện pháp thi công không đảm bảo an toàn thì được quyền tạm dừng thi công và chỉ cho phép thi công sau khi chủ đầu tư và các nhà thầu khắc phục các tồn tại, đảm bảo an toàn;

2.2. Lập kế hoạch kiểm tra định kỳ công tác quản lý chất lượng và chất lượng các công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn tỉnh gửi về Sở Xây dựng để thống nhất tránh sự chồng chéo trước khi phê duyệt danh mục kiểm tra.

2.3. Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra thường xuyên, định kỳ theo kế hoạch, kiểm tra đột xuất công tác quản lý chất lượng xây dựng công trình và kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với công trình chuyên ngành do Sở quản lý theo quy định tại điểm b, c, d, Khoản 4, Điều 41 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP (bao gồm cả công trình thuộc dự án đầu tư theo hình thức Hợp đồng BOT, BTO, BT). Nội dung kiểm tra, Kết quả kiểm tra thực hiện theo quy định tại Điều 24 Thông tư số 10/2013/TT-BXD (Kết quả kiểm tra nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng được lập thành biên bản lưu vào hồ sơ công trình)

2.3. Phối hợp với Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I trên địa bàn; Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn; tham gia Hội đồng nghiệm thu nhà nước đối với công trình xây dựng trên địa bàn khi có yêu cầu;

2.4. Phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức giám định chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành và tổ chức giám định nguyên nhân sự cố đối với công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định tại Điều 39 của Nghị định số 15/2013/NĐ-CP; hướng dẫn giải quyết tranh chấp về chất lượng đối với các công trình xây dựng chuyên ngành do Sở quản lý theo phân cấp quy định tại điểm b, c, d, Khoản 4, Điều 41 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP;

2.5. Tổng hợp báo cáo Sở Xây dựng định kỳ hằng năm trước ngày 10/12 hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu về tình hình chất lượng và công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng do mình quản lý để Sở Xây dựng tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Xây dựng.

3. Quản lý chất lượng của UBND các huyện và thành phố Lào Cai.

Quy định tại khoản 3, điều 45, Nghị định số 15/2013/NĐ-CP.

3.1. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

3.2. Kiểm tra định kỳ, đột xuất việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng đối với các công trình xây dựng và cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn theo phân cấp tại Quyết định số 47/2012/QĐ-UBND ngày 10/10/2012 của UBND tỉnh Lào Cai.

3.3. Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra công trình xây dựng trên địa bàn khi được yêu cầu;

3.4. Báo cáo sự cố và giải quyết sự cố theo quy định tại Điều 37, Điều 38 của Nghị định số 15/2013/NĐ-CP;

3.5. Tổng hợp báo cáo Sở Xây dựng định kỳ hằng năm trước ngày 10/12 hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu về tình hình chất lượng và công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn do mình quản lý để Sở Xây dựng tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Xây dựng.

4. Quản lý chất lượng của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh.

4.1. Kiểm tra các điều kiện khởi công công trình xây dựng theo quy định tại Điều 72 Luật Xây dựng;

4.2. Quản lý việc xây dựng công trình trong các khu công nghiệp theo quy hoạch xây dựng đã được phê duyệt và giấy phép xây dựng;

4.3. Đôn đốc các nhà đầu tư sau khi khởi công xây dựng công trình phải gửi báo cáo về Sở Xây dựng hoặc các Sở có quản lý công trình xây dựng chuyên ngành (theo phân cấp quy định tại Điều 25 Thông tư số 10/2013/TT-BXD) các thông tin sau: Tên và địa chỉ liên lạc của chủ đầu tư, tên công trình, địa điểm xây dựng, quy mô và tiến độ thi công dự kiến của công trình;

4.4. Yêu cầu các nhà đầu tư trước khi nghiệm thu đưa vào sử dụng phải gửi báo cáo hoàn thành hạng mục công trình hoặc hoàn thành công trình cùng danh mục hồ sơ hoàn thành hạng mục công trình hoặc công trình theo quy định tại phụ lục số 5, Thông tư số 10/2013/TT-BXD về Sở Xây dựng hoặc các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành trước 10 ngày làm việc (đối với công trình cấp II, III và cấp IV) hoặc trước 20 ngày làm việc (đối với công trình cấp đặc biệt và cấp I) so với ngày dự kiến tổ chức nghiệm thu hạng mục công trình hoặc công trình đưa vào sử dụng;

4.5. Tham gia với Sở Xây dựng và các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra thường xuyên, định kỳ công tác quản lý chất lượng các công trình xây dựng;

4.6. Tổng hợp báo cáo Sở Xây dựng định kỳ hằng năm trước ngày 10/12 hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu về tình hình chất lượng và công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng do mình quản lý để Sở Xây dựng tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Xây dựng.

XVII. Xử lý vi phạm về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

Quy định tại Điều 46, Nghị định số 15/2013/NĐ-CP và Điều 34, Thông tư số 10/2013/TT-BXD.

1. Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Lào Cai nếu có hành vi vi phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng, hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp vi phạm các quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân sẽ phải bồi thường thiệt hại.

2. Các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành khi phát hiện vi phạm của các chủ thể tham gia hoạt động xây dựng trong quá trình kiểm tra có trách nhiệm đề xuất xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng gửi về Thanh tra Sở Xây dựng. Thanh tra xây dựng sẽ xử lý theo quy định của pháp luật và thông báo kết quả xử lý tới cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng.

XVIII. Xử lý chuyên tiếp.

Quy định về chuyên tiếp theo Điều 35, Thông tư số 10/2013/TT-BXD.

1. Về chứng nhận đủ điều kiện an toàn chịu lực, chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng:

1.1. Các công trình đã thực hiện chứng nhận đủ điều kiện an toàn chịu lực hoặc chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng trước ngày 15/4/2013 thì tiếp tục thực hiện cho đến khi hoàn thành công trình.

1.2. Đối với công trình quy định tại khoản 1, điều 21 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP đã thực hiện chứng nhận, Cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng kiểm tra căn cứ kết quả kiểm tra công trình tại hiện trường và kết quả chứng nhận của đơn vị tư vấn để kết luận kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư trước khi đưa công trình vào sử dụng.

2. Về tổ chức nghiệm thu công trình hoàn thành đưa vào sử dụng:

2.1. Đối với công trình được nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng trước ngày 15/4/2013 (Nghị định 15/2013/NĐ-CP có hiệu lực), việc nghiệm thu công trình được thực hiện theo quy định tại Nghị định 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

2.2. Đối với công trình được nghiệm thu hoàn thành sau ngày 15/4/2013 (Nghị định 15/2013/NĐ-CP có hiệu lực), việc nghiệm thu công trình phải thực hiện theo quy định của Nghị định 15/2013/NĐ-CP.

Hướng dẫn này thay thế các hướng dẫn về quản lý chất lượng công trình xây dựng trước đây của Sở Xây dựng Lào Cai và được thực hiện cùng với Luật Xây dựng; các Nghị định; Thông tư; các Quyết định, công văn có liên quan. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân gửi ý kiến về Sở Xây dựng để xem xét, giải quyết. / *Handwritten signature*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- UBND các huyện, TP Lào Cai;
- Các Sở, ban, ngành;
- Các chủ đầu tư;
- Các đơn vị có tham gia hoạt động XD;
- Lãnh đạo Sở;
- Các đơn vị thuộc Sở XD;
- Trang TTĐT Sở XD;
- Lưu: VT, QLCL. *Handwritten signature*

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phạm Duy Hộ

Phu lục 1

(Kèm theo hướng dẫn số : 06/HD-SXD ngày 08/11/2013 của Sở Xây dựng Lào Cai)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

Biên bản Số

Nghiệm thu vật liệu, thiết bị, sản phẩm chế tạo sẵn trước khi sử dụng xây dựng công trình.

Công trình:(ghi tên công trình xây dựng).....

Hạng mục:(ghi tên hạng mục công trình xây dựng).....

Địa điểm xây dựng:(ghi rõ địa điểm xây dựng hạng mục công trình và công trình XD).....

1. Đối tượng nghiệm thu: (ghi rõ tên vật liệu, thiết bị, sản phẩm chế tạo sẵn cần nghiệm thu)

2. Thành phần trực tiếp tham gia nghiệm thu: (Các cá nhân tham gia nghiệm thu phải được chủ đầu tư và các nhà thầu ghi rõ ngay từ khi ký hợp đồng theo quy định tại khoản 4, mục VI hướng dẫn này).

a) Người giám sát thi công xây dựng công trình của chủ đầu tư hoặc của tổng thầu đối với hình thức hợp đồng tổng thầu thi công xây dựng;

b) Người trực tiếp phụ trách thi công của nhà thầu thi công xây dựng công trình hoặc của nhà thầu phụ đối với hợp đồng tổng thầu thi công xây dựng;

c) Đối với các hợp đồng tổng thầu thi công xây dựng, người giám sát thi công xây dựng công trình của chủ đầu tư có thể chứng kiến công tác nghiệm thu hoặc trực tiếp tham gia nghiệm thu khi cần thiết.

3. Thời gian nghiệm thu :

Bắt đầu: ngày..... tháng năm

Kết thúc: ngày tháng năm

Tại:

4. Đánh giá vật liệu, thiết bị, sản phẩm chế tạo sẵn khi nghiệm thu :

a) Tài liệu làm căn cứ nghiệm thu

- Phiếu yêu cầu nghiệm thu của nhà thầu thi công xây dựng;

- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được chủ đầu tư phê duyệt và những thay đổi thiết kế đã được chấp thuận: (Ghi rõ tên các bản vẽ thiết kế có liên quan đến đối tượng nghiệm thu)

- Tiêu chuẩn, quy phạm xây dựng được áp dụng: (Ghi rõ tên tiêu chuẩn, qui phạm, tài liệu chỉ dẫn kỹ thuật chuyên môn có liên quan đến đối tượng nghiệm thu)

- Hồ sơ thầu và hợp đồng xây dựng;

- Hồ sơ xuất xứ, Chứng chỉ kỹ thuật xuất xưởng, kết quả thí nghiệm mẫu kiểm nghiệm chất lượng của các phòng LAS-XD do nhà thầu đã hợp đồng trong hồ sơ dự thầu, hồ sơ trúng thầu;

- Nhật ký thi công, nhật ký giám sát của chủ đầu tư và các văn bản khác có liên quan đến đối tượng nghiệm thu;

b) Về chất lượng vật liệu, thiết bị, sản phẩm chế tạo sẵn: (đối chiếu với thiết kế, tiêu chuẩn, qui phạm kỹ thuật, tài liệu chỉ dẫn kỹ thuật chuyên môn và yêu cầu kỹ thuật của công trình xây dựng có liên quan đến đối tượng nghiệm thu:

- Đưa ra các nội dung kỹ thuật cần kiểm tra khi nghiệm thu để có cơ sở đánh giá chất lượng đối tượng nghiệm thu;

- Đánh giá chất lượng đối tượng nghiệm thu.

c) Về khối lượng: Ghi đầy đủ khối lượng vật liệu, thiết bị, sản phẩm chế tạo sẵn được nghiệm thu (Phần phụ lục khối lượng kèm theo).

d) Các ý kiến khác nếu có.

5. Kết luận : (ghi rõ theo các nội dung sau)

- Chấp nhận hay không chấp nhận nghiệm thu, đồng ý hay không đồng ý đưa vào sử dụng cho công trình đối tượng nghiệm thu. Nếu không chấp nhận nghiệm thu phải ghi rõ lý do,
- Ghi rõ tên và số lượng các đối tượng không chấp nhận nghiệm thu. Thời gian nhà thầu xây lắp phải đưa các đối tượng không chấp nhận nghiệm thu ra khỏi công trường.

6. Các thành phần trực tiếp tham gia nghiệm thu: (Ký, ghi rõ họ tên và chức vụ từng người tham gia)

Ghi chú:

- Nếu biên bản nghiệm thu vật liệu, thì bỏ thiết bị, sản phẩm chế tạo sẵn trước khi sử dụng;
- Nếu biên bản nghiệm thu thiết bị, thì bỏ vật liệu, sản phẩm chế tạo sẵn trước khi sử dụng;
- Nếu biên bản nghiệm thu sản phẩm chế tạo sẵn, thì bỏ vật liệu, thiết bị trước khi sử dụng;

Phụ lục khối lượng kèm theo biên bản nghiệm thu vật liệu, thiết bị, sản phẩm chế tạo sẵn trước khi sử dụng xây dựng công trình, ngày .. tháng.. năm..

TT	Chủng loại vật tư, thiết bị...	Đơn vị	Số lượng	Khối lượng
	(Ví dụ)			
1	Thép tròn Tisco Φ 20	kg	25 thanh	147,6
2	Cát vàng Bảo Nhai	m ³	100	100
3	Gạch tuynel Phú Hưng	viên	1000	1000
.				
.	...			

Phụ lục 2

(Kèm theo hướng dẫn số : 06/HD-SXD ngày 08/11/2013 của Sở Xây dựng Lào Cai)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

Biên bản Số

Nghiệm thu công việc xây dựng

Công trình:(ghi tên công trình xây dựng).....

Hạng mục:(ghi tên hạng mục công trình xây dựng).....

Địa điểm xây dựng:(ghi rõ địa điểm xây dựng hạng mục công trình và công trình XD).....

- 1. Đối tượng nghiệm thu:** (ghi rõ tên công việc đã hoàn thành cần nghiệm thu và vị trí nằm trong hạng mục hoặc công trình)
- 2. Thành phần trực tiếp tham gia nghiệm thu:** (Các cá nhân tham gia nghiệm thu phải được chủ đầu tư và các nhà thầu ghi rõ ngay từ khi ký hợp đồng theo quy định tại khoản 4, mục VI hướng dẫn này).

a) Người giám sát thi công xây dựng công trình của chủ đầu tư hoặc của tổng thầu đối với hình thức hợp đồng tổng thầu thi công xây dựng;

b) Người trực tiếp phụ trách thi công của nhà thầu thi công xây dựng công trình hoặc của nhà thầu phụ đối với hợp đồng tổng thầu thi công xây dựng;

c) Đối với các hợp đồng tổng thầu thi công xây dựng, người giám sát thi công xây dựng công trình của chủ đầu tư có thể chứng kiến công tác nghiệm thu hoặc trực tiếp tham gia nghiệm thu khi cần thiết.

3. Thời gian nghiệm thu :

Bắt đầu : ngày tháng năm

Kết thúc : ngày tháng năm

Tại:

4. Đánh giá công việc xây dựng đã thực hiện:

- a) Về tài liệu làm căn cứ nghiệm thu:
 - Quy trình kiểm tra, giám sát, nghiệm thu đã được thống nhất giữa chủ đầu tư và các nhà thầu có liên quan;
 - Phiếu yêu cầu nghiệm thu của nhà thầu;
 - Biên bản kiểm tra, nghiệm thu nội bộ của nhà thầu (nếu có);
 - Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và những thay đổi thiết kế đã được chủ đầu tư chấp thuận liên quan đến đối tượng nghiệm thu (Ghi rõ tên các bản vẽ thiết kế có liên quan đến đối tượng nghiệm thu);
 - Phân chỉ dẫn kỹ thuật có liên quan;
 - Tiêu chuẩn, quy phạm xây dựng được áp dụng (Ghi rõ tên tiêu chuẩn, qui phạm, tài liệu chỉ dẫn kỹ thuật chuyên môn có liên quan đến đối tượng nghiệm thu).
 - Các kết quả quan trắc, đo đạc, thí nghiệm có liên quan;
 - Nhật ký thi công xây dựng công trình và các văn bản khác có liên quan đến đối tượng nghiệm thu.
- b) Về chất lượng công việc xây dựng: (đối chiếu với thiết kế, tiêu chuẩn quy phạm kỹ thuật, tài liệu chỉ dẫn kỹ thuật chuyên môn và yêu cầu kỹ thuật của công trình xây dựng có liên quan đến đối tượng nghiệm thu):
 - Đưa ra các nội dung kỹ thuật cần kiểm tra để có cơ sở đánh giá chất lượng cần nghiệm thu;

Thực hiện công tác nghiệm thu như quy định tại Điều 20, Thông tư số 10/2013/TT-BXD).

- Đánh giá chất lượng đối tượng nghiệm thu)

c) Về khối lượng: Ghi đầy đủ kích thước Dài, rộng, cao của các kết cấu được nghiệm thu (Phụ lục khối lượng kèm theo).

d) Các ý kiến khác nếu có.

5. Kết luận :

Kết luận về việc nghiệm thu công việc xây dựng để chuyển bước thi công. Trường hợp công việc xây dựng không nghiệm thu được, người giám sát thi công xây dựng của chủ đầu tư hoặc của tổng thầu phải nêu rõ lý do bằng văn bản hoặc ghi vào nhật ký thi công xây dựng công trình.

6. Các thành phần trực tiếp tham gia nghiệm thu: (Ký ghi rõ họ tên và chức vụ từng người tham gia).

Phụ lục

khối lượng kèm theo biên bản nghiệm thu công việc số: ngày .. tháng.. năm..

TT (1)	Tên công việc nghiệm thu (2)	Kích thước			Số giống nhau (6)	Đơn vị tính (7)	Khối lượng (8)
		Dài (3)	Rộng (4)	Cao (5)			
	(Ví dụ)						
1	Đào đất móng, đất cấp 3						
	Móng M ₁	2,4	1,2	1,5	5	m ³	21,6
	Móng M ₂						
						
2	Bê tông lót móng mác 100						
	Móng M ₁	2,4	1,2	0,1	5	m ³	1,44
	Móng M ₂						
						
3	Cốt thép móng					kg	
	Móng M ₁						
	Thép chịu lực đế móng Φ 20	2,4m	2,46 kg/m		25 thanh	kg	147,6
	Thép chịu lực cổ móng Φ 18						
	Thép đai cổ móng Φ 8	3m	0,4 kg/m		30 thanh	kg	
	Móng M ₂						
						
4	Bê tông móng mác 200						
	Móng M ₁						
	Bê tông đế móng	2,4	1,2	0,3	5	m ³	4,32
	Bê tông thân móng (lấy trung bình đáy trên và đáy dưới)	$(a_1+b_1)/2$	$(a_2+b_2)/2$	0,35	5	m ³	
	Bê tông cổ móng	0,45	0,35	0,8	5	m ³	0,63
	Móng M ₂						
						

Ghi chú: Đối với những bộ phận, hạng mục, công trình không xác định được kích thước hình học cụ thể thì việc diễn giải khối lượng chi tiết phải theo mặt cắt ngang, cao độ, ô lưới... triển khai từ hồ sơ thiết kế ra thực tế thi công.

Phụ lục 3

(Kèm theo hướng dẫn số : 06/HD-SXD ngày 08/11/2013 của Sở Xây dựng Lào Cai)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

Biên bản số

**Nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng hoặc
bộ phận công trình xây dựng.**

Công trình:(ghi tên công trình xây dựng).....

Hạng mục:(ghi tên hạng mục công trình xây dựng).....

Địa điểm xây dựng:(ghi rõ địa điểm xây dựng hạng mục công trình và công trình XD).....

1. **Đối tượng nghiệm thu:** (ghi rõ tên bộ phận công trình xây dựng hoặc giai đoạn thi công xây dựng được nghiệm thu).
2. **Thành phần trực tiếp tham gia nghiệm thu:** (Các cá nhân tham gia nghiệm thu phải được chủ đầu tư và các nhà thầu ghi rõ ngay từ khi ký hợp đồng theo quy định tại khoản 4, mục VI hướng dẫn này).

a) Người phụ trách bộ phận giám sát thi công xây dựng công trình của chủ đầu tư hoặc người phụ trách bộ phận giám sát thi công xây dựng công trình của tổng thầu trong trường hợp nghiệm thu bộ phận công trình xây dựng, giai đoạn thi công xây dựng do nhà thầu phụ thực hiện;

b) Người phụ trách thi công trực tiếp của nhà thầu thi công xây dựng công trình.

3. Thời gian nghiệm thu :

Bắt đầu : ngày tháng năm

Kết thúc : ngày tháng năm

Tại:

4. Đánh giá bộ phận công trình xây dựng, giai đoạn thi công xây dựng đã thực hiện:

a) Tài liệu làm căn cứ nghiệm thu:

- Phiếu yêu cầu nghiệm thu của nhà thầu thi công xây dựng;
- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được chủ đầu tư phê duyệt và những thay đổi thiết kế đã được chấp thuận: (Ghi rõ tên các bản vẽ thiết kế có liên quan đến đối tượng nghiệm thu)
- Tiêu chuẩn, quy phạm xây dựng được áp dụng: (Ghi rõ tên tiêu chuẩn, qui phạm, tài liệu chỉ dẫn kỹ thuật chuyên môn có liên quan đến đối tượng nghiệm thu)
- Hồ sơ thầu và hợp đồng xây dựng;
- Biên bản nghiệm thu vật liệu, thiết bị, sản phẩm chế tạo sẵn trước khi sử dụng;
- Biên bản nghiệm thu công việc xây dựng có liên quan;
- Các tài liệu thí nghiệm, quan trắc tại hiện trường (nếu thiết kế hoặc tiêu chuẩn, qui phạm có liên quan chỉ định)
- Kết quả thí nghiệm mẫu kiểm nghiệm của đối tượng nghiệm thu;
- Bản vẽ hoàn công;
- Nhật ký thi công, nhật ký giám sát của chủ đầu tư và các văn bản khác có liên quan đến đối tượng nghiệm thu;
- Biên bản nghiệm thu nội bộ đối tượng nghiệm thu;
- Công tác chuẩn bị để triển khai bộ phận công trình, giai đoạn thi công xây dựng tiếp theo.

- b) Về chất lượng xây dựng bộ phận công trình hoặc giai đoạn thi công xây dựng: (đối chiếu với thiết kế, tiêu chuẩn qui phạm kỹ thuật, tài liệu chỉ dẫn kỹ thuật chuyên môn và yêu cầu kỹ thuật của công trình xây dựng có liên quan đến đối tượng nghiệm thu:
- Đưa ra các nội dung kỹ thuật cần kiểm tra để có cơ sở đánh giá chất lượng đối tượng nghiệm thu;
 - Thực hiện công tác nghiệm thu như quy định tại Điều 21, Thông tư số 10/2013/TT-BXD).
 - Đánh giá chất lượng đối tượng nghiệm thu)
- c) Khối lượng: Khối lượng phần này là tổng khối lượng đã được nghiệm thu của các biên bản nghiệm thu công việc xây dựng cộng lại cho một bộ phận hoặc giai đoạn thi công công trình xây dựng.
- d) Các ý kiến khác nếu có.

5. Kết luận :

- Chấp nhận hay không chấp nhận nghiệm thu và đồng ý triển khai giai đoạn thi công xây dựng tiếp theo.
- Các sai sót còn tồn tại và các khiếm khuyết cần sửa chữa. Thời gian nhà thầu phải hoàn thành công tác sửa chữa.
- Các yêu cầu khác nếu có.

6. Các thành phần trực tiếp tham gia nghiệm thu (Ký, ghi rõ họ tên và chức vụ từng người tham gia)

Phụ lục 4

(Kèm theo hướng dẫn số : 06/HD-SXD ngày 08/11/2013 của Sở Xây dựng Lào Cai)

Tên Chủ đầu tư

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

BIÊN BẢN

**Nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình
hoặc công trình xây dựng để đưa vào sử dụng**

1, Công trình/hạng mục công trình:.....

2, Địa điểm xây dựng:

3, Thành phần tham gia nghiệm thu: (Theo Điều 22, Thông tư số 10/2013/TT-BXD).

a) Phía chủ đầu tư: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền của chủ đầu tư, người phụ trách bộ phận giám sát thi công xây dựng công trình của chủ đầu tư; người đại diện theo pháp luật và người phụ trách bộ phận giám sát thi công xây dựng công trình của nhà thầu thực hiện giám sát thi công xây dựng công trình (nếu có);

b) Phía nhà thầu thi công xây dựng công trình: Người đại diện theo pháp luật và người phụ trách thi công của tổng thầu, các nhà thầu thi công xây dựng chính có liên quan;

c) Phía nhà thầu thiết kế xây dựng công trình tham gia nghiệm thu theo yêu cầu của chủ đầu tư: Người đại diện theo pháp luật và chủ nhiệm thiết kế;

d) Trường hợp chủ đầu tư không phải là chủ quản lý, chủ sử dụng công trình thì khi nghiệm thu chủ đầu tư có thể mời chủ quản lý, chủ sử dụng công trình tham gia chứng kiến nghiệm thu.

4, Thời gian tiến hành nghiệm thu :

Bắt đầu : ngày tháng năm

Kết thúc : ngày tháng năm

Tại:

5, Đánh giá hạng mục công trình xây dựng, công trình xây dựng:

a. Tài liệu làm căn cứ để nghiệm thu:

- Quy trình kiểm tra, giám sát, nghiệm thu đã được thống nhất giữa chủ đầu tư và các nhà thầu có liên quan;

- Phiếu yêu cầu nghiệm thu của nhà thầu;

- Biên bản kiểm tra, nghiệm thu nội bộ của nhà thầu (nếu có);

- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và những thay đổi thiết kế đã được chủ đầu tư chấp thuận liên quan đến đối tượng nghiệm thu;

- Phần chỉ dẫn kỹ thuật có liên quan;

- Biên bản nghiệm thu các công việc xây dựng, giai đoạn thi công xây dựng hoặc bộ phận công trình xây dựng đã thực hiện (nếu có);

- Kết quả quan trắc, đo đạc, thí nghiệm, đo lường, hiệu chỉnh, vận hành thử đồng bộ hệ thống thiết bị và kết quả kiểm định chất lượng công trình (nếu có);

- Hồ sơ hoàn thành xây dựng công trình theo danh mục tại phụ lục 5, Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25/7/2013 của Bộ Xây dựng;

- Bản vẽ hoàn công công trình xây dựng;

- Văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về phòng chống cháy, nổ; an toàn môi trường; an toàn vận hành theo quy định;

- Kết luận của cơ quan chuyên môn về xây dựng về việc kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng theo quy định tại Điều 32 Nghị định 15/2013/NĐ-CP.

b. Về tiến độ xây dựng hạng mục, công trình:

- Ngày khởi công:
- Ngày hoàn thành:

c. Nội dung và trình tự nghiệm thu:

- Kiểm tra chất lượng công trình, hạng mục công trình tại hiện trường đối chiếu với yêu cầu của thiết kế và chỉ dẫn kỹ thuật;
- Kiểm tra bản vẽ hoàn công;
- Kiểm tra các số liệu thí nghiệm, đo đạc, quan trắc, các kết quả thử nghiệm, đo lường, vận hành thử đồng bộ hệ thống thiết bị; kết quả kiểm định chất lượng công trình (nếu có);
- Kiểm tra các văn bản thỏa thuận, xác nhận hoặc chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về phòng chống cháy, nổ, an toàn môi trường, an toàn vận hành; kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng và các văn bản khác có liên quan;
- Kiểm tra quy trình vận hành và quy trình bảo trì công trình xây dựng.

6, Kết luận :

- Chấp nhận hay không nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình hoặc công trình xây dựng để đưa vào sử dụng. Nếu không chấp nhận nghiệm thu thì phải ghi rõ lý do;
- Các tồn tại về chất lượng cần phải sửa chữa khắc phục. Thời gian nhà thầu phải hoàn thành công tác sửa chữa, khắc phục;
- Các yêu cầu khác nếu có

7, Các bên tham gia nghiệm thu: *(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu).*

Phụ lục 5

(Kèm theo hướng dẫn số : 06/HD-SXD ngày 08/11/2013 của Sở Xây dựng Lào Cai)

Tên Chủ đầu tư

.....
.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

BIÊN BẢN

**Bàn giao hạng mục công trình
hoặc công trình xây dựng để đưa vào sử dụng**

1) Công trình/hạng mục công trình:

2) Địa điểm xây dựng:

3) Thành phần tham gia bàn giao: (Ghi rõ tổ chức, họ tên và chức vụ cá nhân)

a) Phía chủ đầu tư:

- Người đại diện theo pháp luật và người phụ trách bộ phận giám sát thi công xây dựng công trình của chủ đầu tư;

- Người đại diện theo pháp luật và người phụ trách bộ phận giám sát thi công xây dựng công trình của nhà thầu tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình.

b) Phía nhà thầu thi công xây dựng công trình:

- Người đại diện theo pháp luật và người phụ trách thi công trực tiếp của nhà thầu thi công xây dựng công trình;

- Người đại diện theo pháp luật và người phụ trách bộ phận giám sát thi công xây dựng công trình của tổng thầu (đối với hình thức hợp đồng tổng thầu)

c) Phía chủ quản lý, chủ sở hữu công trình: Người đại diện theo pháp luật.

d) Và các thành phần khác trực tiếp tham gia nghiệm thu (theo yêu cầu của chủ đầu tư).

4) Thời gian tiến hành bàn giao:

Bắt đầu : ngày tháng năm

Kết thúc : ngày tháng năm

Tại:

5) Nội dung bàn giao: Chủ đầu tư phải giao cho chủ quản lý, chủ sử dụng công trình các tài liệu sau:

- Quy trình bảo trì, quy trình vận hành công trình; hồ sơ thiết kế, bản vẽ hoàn công và các tài liệu khác có liên quan tới việc vận hành, bảo trì công trình;

- Danh mục các thiết bị, phụ tùng, vật tư dự trữ chưa lắp đặt hoặc sử dụng.

6) Kết luận:

- Chấp nhận hay không bàn giao đưa vào sử dụng. Nếu không chấp nhận bàn giao thì phải ghi rõ lý do;

- Các tồn tại về chất lượng cần phải sửa chữa khắc phục. Thời gian nhà thầu phải hoàn thành công tác sửa chữa, khắc phục;

- Các yêu cầu khác nếu có.

Các bên tham gia bàn giao: (ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)